

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-4-2021

*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
dưỡng con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim Sơn;
2. Ông Trần Văn Cường;

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện

C.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 605/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Văn Thị Cẩm N, sinh năm 1992, cư trú tại: ấp Đông, xã L1, huyện C, tỉnh L, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990, cư trú tại: ấp Rạch Đào, xã L1, huyện C, tỉnh L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn chị Văn Thị Cẩm N cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Chị N và anh T tổ chức lễ cưới vào năm 2013, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L1 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01, ngày 24/3/2014. Hôn nhân của vợ chồng chị là tự nguyện, trước khi cưới nhau, chị và anh T có tìm hiểu nhau được 07 tháng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo làm để chăm lo cho vợ con, thiếu trách nhiệm với gia đình, ngoài ra, anh T còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị N có tìm giải pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để duy trì quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả. Chị N và anh T không còn chung sống với

nhau đã một năm. Trong thời gian chị và anh T sống ly thân, anh T có tìm gặp chị để hàn gắn tình cảm nhưng chị N không đồng ý. Chị N nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N và anh T được ly hôn.

Về con chung: chị N và anh T chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 03/11/2014 và Nguyễn Minh L2, sinh ngày 06/02/2018. Hiện nay, hai con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị N xác định không có.

Về nợ chung: chị N xác định không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn T. Anh Nguyễn Văn T không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của chị N và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: chị Văn Thị Cẩm N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, anh T có nơi cư trú tại ấp Rạch Đào, xã L1, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về hôn nhân: chị Văn Thị Cẩm N và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L1 cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01, ngày 24/3/2014, nên xác định hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo làm để chăm lo cho vợ con, thiếu trách nhiệm với gia đình, ngoài ra, anh T còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị N có tìm giải pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để duy trì quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả. Hiện nay, chị N và anh T không còn sống chung với nhau. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án tham gia hòa giải theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên câu yêu cầu ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy cả chị N và anh T đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cũng như duy trì đời sống hôn nhân. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống, chị N và anh T có 02 người con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 03/11/2014 và Nguyễn Minh L2, sinh

ngày 06/02/2018. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, hai con chung do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N có yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, anh T không có ý kiến phản hồi đối với vấn đề này. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo sự phát triển ổn định của hai cháu Thư và Luân, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu Thư và cháu Luân cho chị N nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị N trình bày chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung. Anh T không có ý kiến phản hồi về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Văn Thị Cẩm N về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T.

Về hôn nhân: chị Văn Thị Cẩm N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Văn Thị Cẩm N nuôi dưỡng hai người con chung Nguyễn Anh T1, sinh ngày 03/11/2014 và Nguyễn Minh L2, sinh ngày 06/02/2018. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: chị Văn Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0009250 ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã L1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Võ Thu Xuân

